

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CCBVMT ngày tháng năm 2022 của Chi cục Bảo vệ môi trường Bình Định)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	1.439,289	1.439,289	0,000	
2	Phí:	1.439,289	1.439,289	0,000	
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1.016,700	1.016,700	0,000	
	Phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết		0,000	0,000	
	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung	0,000	0,000	0,000	
	Phí BVMT đối với nước thải công nghiệp	422,589	422,589		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	1.122,347	1.122,347	0,000	
2	Chi quản lý hành chính	1.122,347	1.122,347	0,000	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.122,347	1.122,347	0,000	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	316,941	316,942	0,000	
2	Phí	316,941	316,942	0,000	
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	0,000	0,000	0,000	
	Phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết	0,000	0,000		
	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung	0,000	0,000		
	Phí BVMT đối với nước thải công nghiệp	316,941	316,942		
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.453,101	2.453,101	0,000	
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.453,101	2.453,101	0,000	
1	Chi quản lý hành chính	1.479,531	1.479,531	0,000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.361,600	1.361,600	0,000	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	117,931	117,931	0,000	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	973,570	973,570	0,000	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	973,570	973,570	0,000	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				